

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 104/2024/DS-PT  
Ngày: 13 - 6 - 2024  
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hồng Thái

*Các Thẩm phán:* Ông Đặng Văn Cường

Ông Lương Thanh Chín

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Đức Khang là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:**  
Bà Nguyễn Thị Linh – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 06 và 13 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 70/2024/TLPT-DS ngày 06 tháng 5 năm 2024, về việc: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”, do Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2022/DS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 124/2024/QĐ-PT ngày 17 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1967; Địa chỉ: Thôn E, xã Đ, huyện TL, tỉnh Bình Thuận.

**Người đại diện theo ủy quyền:** Ông Nguyễn Xuân L, sinh năm 1952; Địa chỉ: Thôn D, xã Đ, huyện TL, tỉnh Bình Thuận (Văn bản ủy quyền ngày 18/3/2024).

**- Bị đơn:** Ông Nguyễn Duy Q, sinh năm 1970; Địa chỉ: Thôn E, xã Đ, huyện TL, tỉnh Bình Thuận.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Lưu Thị Bích H, sinh năm 1972

2. Chị Nguyễn Thị Bích T1, sinh năm 1993

3. Chị Nguyễn Thị Tường V, sinh năm 2006

4. Anh Nguyễn Duy P, sinh năm 1997

Cùng địa chỉ: Thôn E, xã Đ, huyện TL, tỉnh Bình Thuận.

5. Anh Nguyễn Duy H1, sinh năm 1995; Địa chỉ: Thôn A, xã L, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T.

Tại phiên toà, bà Nguyễn Thị Thanh T, ông Nguyễn Duy Q và bà Lưu Thị Bích H có mặt ngày 06 và 13/6/2024; ông Nguyễn Xuân L, anh Nguyễn Duy P có mặt ngày 06/6/2024, vắng mặt ngày 13/6/2024; còn lại vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo Bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

*Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày:*

Theo đơn khởi kiện và yêu cầu ban đầu, bà Nguyễn Thị Thanh T yêu cầu ông Nguyễn Duy Q phải trả lại cho bà T quyền sử dụng diện tích 200,3m<sup>2</sup> đất ở nông thôn và đất trồng cây hàng năm khác; thuộc một phần diện tích của các thửa đất số 84, 85, 86 và 87, cùng tờ bản đồ số 4, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 181179, cấp ngày 18/9/2000 mang tên hộ ông Nguyễn Duy Q (nay là diện tích đất theo các mốc tọa độ 5-6-7-8-13-14-20-5, Mảnh trích đo địa chính số 207-2022, do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai TL đo vẽ ngày 20/9/2022) để bà T làm đường đi vào đất rẫy của gia đình bà T và yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 181179 cấp ngày 18/9/2000 cho hộ ông Nguyễn Duy Q đối với phần diện tích đất phải trả lại quyền sử dụng cho bà T.

Căn cứ để bà Nguyễn Thị Thanh T đưa ra yêu cầu là khoảng năm 1976, ông Nguyễn Xuân T2 là cha của bà T có khai hoang và canh tác diện tích đất cây lâu năm ở phía sau thửa đất của gia đình ông Nguyễn Duy Q đang sử dụng hiện nay; thời điểm này để đi từ đường lớn (Quốc lộ E hiện tại) vào thửa đất thì ông T2 có sử dụng con đường có chiều ngang khoảng 3 mét từ đầu đường lớn vào đến đất của ông T2. Đến năm 2000, ông T2 cho vợ chồng bà T quyền sử dụng thửa đất rẫy này, gia đình bà T vẫn sử dụng con đường cũ trước đây ông T2 thường đi để vào đất canh tác, thu hoạch nông sản. Gia đình bà T sử dụng phần diện tích đất làm đường đi này ổn định, đến khoảng năm 2012 gia đình ông Q xây tường rào bao quanh đất của gia đình ông Q rồi xây bao luôn diện tích đất làm đường này, không cho gia đình bà T sử dụng phần đất làm đường này đi vào đất rẫy của bà T nữa. Bà T không đồng ý nên yêu cầu UBND xã Đ giải quyết, kết quả đo đạc kiểm tra thì chính quyền xác định phần diện tích đất làm con đường vào rẫy của bà T đã được cấp quyền sử dụng cho hộ gia đình ông Q. Từ đó, bà T mới chuyển qua đi trên phần đất của gia đình ông Văn Viết C giáp ranh với thửa đất của gia đình ông Q. Sử dụng phần đất này làm đường đi một thời gian thì bà T trả lại cho ông C, sau đó bà T tiến hành khởi kiện ông Q đến Tòa án để yêu cầu ông Q phải có nghĩa vụ trả lại diện tích đất làm đường đi vào rẫy cho bà T. Hiện tại để đi vào thửa đất rẫy của gia đình, bà T đang đi nhờ trên thửa đất cây lâu năm của một người khác cũng ở gần đó.

Ngày 07/12/2023, bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày xin rút một phần khởi kiện đối phần yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 181179 cấp ngày 18/9/2000 cho hộ ông Nguyễn Duy Q đối với phần diện tích đất phải trả lại quyền sử dụng cho bà T. Bà T vẫn giữ yêu cầu Tòa án buộc ông Q phải trả lại phần diện tích đất làm con đường để bà T và gia đình vào thửa đất rẫy.

Đối với các khoản chi phí tố tụng mà bà Nguyễn Thị Thanh T đã tạm chi trong quá trình giải quyết vụ án thì bà T yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, bà Nguyễn Thị Thanh T không còn yêu cầu nào khác trong vụ án.

*Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Duy Q trình bày:*

Ông Nguyễn Duy Q không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh T. Vì: Khoảng năm 1997, ông Nguyễn Duy Q nhận chuyển nhượng của ông V1 (không nhớ rõ họ tên) diện tích đất thổ cư, đất màu tại các thửa đất số 84, 85, 86 và 87, cùng tờ bản đồ số 4 xã Đ. Năm 2000, ông Q làm thủ tục và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 181179 ngày 18/9/2000 cho hộ ông Nguyễn Duy Q. Cũng trong năm 2000, vợ chồng ông Q làm nhà, chuyển gia đình đến sinh sống trên diện tích đất này. Khi gia đình ông Q chuyển đến ở trên đất thì bà T đã sử dụng phần đất của gia đình ông C ở liền kề với đất của gia đình ông Q làm con đường mòn đi vào đất rẫy của bà T, con đường này thuộc đất của ông C và chỉ có mình gia đình bà T sử dụng, vì phía trong chỉ có mình nhà bà T ở, còn những người có đất rẫy khác ở trong không sử dụng con đường này mà đi rất nhiều đường mòn khác nhau.

Đến năm 2012, bà Nguyễn Thị Thanh T yêu cầu UBND xã Đ xác định vị trí ranh mốc đất của gia đình ông Q để bà T làm đường đi; UBND xã Đ đo đạc và xác định gia đình ông Q đang sử dụng đúng diện tích đã được cấp quyền sử dụng, chính quyền cấm cọc để gia đình ông xây hàng rào, còn lại bà T vẫn đi con đường trên đất ông C. Khoảng đầu năm 2022, giữa bà T với gia đình ông C xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau nên ông C yêu cầu UBND xã Đ vào đo lại diện tích đất của ông C, sau đó ông C làm hàng rào chắn luôn cả con đường bà T hay đi vào đất, vì con đường này thuộc diện tích đã cấp sổ cho ông C. Sau khi ông C rào con đường lại không cho bà T sử dụng nữa thì bà T đi vào đất bằng đường khác, băng qua đất rẫy của những hộ khác chứ không phải không có đường vào. Như vậy, diện tích đất của gia đình ông Q không liên quan gì đến con đường bà T đi vào rẫy của gia đình bà T. Việc bà T cho rằng diện tích đất làm đường đi vào rẫy của gia đình bà T là do ông T2 cha của bà T khai phá sử dụng là không có cơ sở; bởi vì diện tích đất của gia đình ông Q và ông C đều đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hai ông chứ không phải cấp cho ông T2. Bên cạnh đó, Bản đồ 299 của chính quyền cũng không thể hiện có con đường tại khu vực này để đi vào rẫy của gia đình bà T.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Lưu Thị Bích H trình bày: Bà Lưu Thị Bích H là vợ của ông Nguyễn Duy Q. Việc bà Nguyễn Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu ông Q trả lại quyền sử dụng đất để bà T làm đường đi vào rẫy là không có căn cứ. Do đó, bà H thống nhất với ý kiến của ông Q đã trình bày, bà H không có yêu cầu độc lập gì trong vụ án.

2. Chị Nguyễn Thị Bích T1, anh Nguyễn Duy H1, anh Nguyễn Duy P và chị Nguyễn Thị Tường V trình bày: Các đương sự là con của ông Nguyễn Duy Q, bà Lưu Thị Bích H. Quyền sử dụng đất tranh chấp trong vụ án là tài sản chung của hộ gia đình ông Q, mà các đương sự là thành viên của hộ. Trong vụ án theo đơn kiện của bà T với ông Q thì các đương sự thống nhất với lời khai và ý kiến của ông Q, các đương sự không có yêu cầu độc lập gì trong vụ án.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2024/DS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh đã quyết định:*

*Căn cứ vào:* - Khoản 2 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 157, 165, 203, 227, 228, 229 và khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 163, 164, khoản 1 Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/2014 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*Tuyên xử:*

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T; về việc buộc ông Nguyễn Duy Q phải trả lại cho bà T quyền sử dụng diện tích đất khoảng 200,3m<sup>2</sup> đất ở nông thôn và đất trồng cây hàng năm khác; thuộc một phần diện tích của các thửa đất số 84, 85, 86 và 87, cùng tờ bản đồ số 4, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 181179, cấp ngày 18/9/2000 mang tên hộ ông Nguyễn Duy Q (nay là diện tích đất theo các mốc tọa độ 5-6-7-8-13-14-20-5, Mảnh trích đo địa chính số 207-2022, do Văn phòng Đăng ký đất đai TL chi nhánh T4 đo vẽ ngày 20/9/2022) để bà T làm con đường đi vào đất rẫy của gia đình bà T.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 181179, cấp ngày 18/9/2000 mang tên hộ ông Nguyễn Duy Q đối với phần diện tích đất phải trả lại quyền sử dụng của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T.

3. Về chi phí tố tụng: Buộc bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu toàn bộ các khoản chi phí tố tụng với số tiền 11.064.000 đồng. Trừ vào số tiền tạm ứng chi phí tố tụng 11.064.000 đồng bà T đã nộp, bà T đã nộp đủ tiền chi phí tố tụng.

4. Về án phí:

4.1. Buộc bà Nguyễn Thị Thanh T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp

theo Biên lai số 0011294 ngày 27 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh. Bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4.2. Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền 6.375.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0011296 ngày 01/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T kháng cáo đề nghị hủy Bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T và người đại diện theo ủy quyền giữ nguyên kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, hủy Bản án sơ thẩm hoặc sửa một phần Bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Duy Q trả lại cho bà T phần diện tích 200,3m<sup>2</sup> đất tranh chấp, vì phần diện tích đất này thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà T.

- Bị đơn ông Nguyễn Duy Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lưu Thị Bích H, anh Nguyễn Duy P đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

- Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

1. Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.

2. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2024/DS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về việc vắng mặt người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Bích T1, anh Nguyễn Duy H1 và chị Nguyễn Thị Tường V vắng mặt, nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người tham gia tố tụng này như đề nghị của những người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa và Kiểm sát viên theo quy định tại khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc xác định người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tại phiên tòa phúc thẩm:

Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T ủy quyền cho ông Nguyễn Xuân L tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm, nhưng tại Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 124/2024/QĐ-PT ngày 17 tháng 5 năm 2024 đã không đưa ông L vào tham gia tố tụng là có thiếu sót.

Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Xuân L có mặt, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm đưa ông L vào tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T, vấn đề này các đương sự đều thống nhất đồng ý, nên Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo quy định.

[3] Về nội dung, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến trình bày và tranh luận tại phiên tòa của các đương sự, quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận thấy:

#### [3.1] Về diện tích đất tranh chấp:

Quá trình giải quyết vụ án, các bên đương sự xác định diện tích đất tranh chấp là 200,3m<sup>2</sup> đất ở nông thôn và đất trồng cây hàng năm khác thuộc một phần diện tích của các thửa đất số 84, 85, 86 và 87, cùng tờ bản đồ số 4 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 181179 do UBND huyện TL cấp cho hộ ông Nguyễn Duy Q ngày 18/9/2000. Phần diện tích đất tranh chấp này được giới hạn bởi các mốc tọa độ 5-6-7-8-13-14-20-5 theo Mảnh trích đo địa chính số 207-2022 do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai TL đo vẽ ngày 20/9/2022.

[3.2] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T yêu cầu Tòa án buộc bị đơn ông Nguyễn Duy Q trả lại cho bà T phần diện tích đất tranh chấp 200,3m<sup>2</sup> nêu trên, vì phần đất này do cha của bà T là ông Nguyễn Xuân T2 khai hoang và làm đường đi vào khu đất của gia đình bà T nằm phía sau đất của ông Nguyễn Duy Q từ năm 1976.

[3.3] Xét yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của bà T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

#### [3.3.1] Về quá trình tranh chấp đất làm đường đi vào đất của bà T:

Vào năm 2012, giữa bà T và gia đình ông Q tranh chấp con đường đi vào đất của bà T, việc tranh chấp đã được UBND xã Đ hòa giải. Sau khi đo đạc, UBND xã Đ xác định gia đình ông Q đang sử dụng đúng với diện tích đất đã được UBND huyện TL cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 181179 cho hộ gia đình ông Q ngày 18/9/2000, nên giải quyết cho bà T đi tạm trên con đường thuộc phần đất của gia đình ông Nguyễn Viết C1 và bà T đã sử dụng con đường này để đi vào đất của bà T từ năm 2012 đến khi ông C1 rào lại ranh đất năm 2022 thì bà T mới tranh chấp với gia đình ông Q con đường đi có diện tích 200,3m<sup>2</sup> được xác định như tại mục [3.1] nêu trên, phần diện tích đất này nằm giáp với đất của ông Nguyễn Văn P1.

[3.3.2] Mặt khác, bà Nguyễn Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Duy Q trả lại cho bà 200,3m<sup>2</sup> đất tranh chấp nêu trên, nhưng bà T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh phần diện tích đất tranh chấp này thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà T. Quá trình giải quyết vụ án, bà T thừa nhận cũng không có đăng ký kê khai gì với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đối với phần diện tích đất này.

[3.3.3] Trong khi đó, theo UBND xã Đ thì Bản đồ 299 cũng như hồ sơ địa chính khu đất không thể hiện có con đường đi với diện tích 200,3m<sup>2</sup> như bà T đang tranh chấp.

[3.3.4] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà T và người đại diện theo ủy quyền cho rằng: Theo Biên bản làm việc do UBND xã Đ lập ngày 10/5/2012 khi hoà giải tranh chấp đường đi giữa bà T và gia đình ông Q, nội dung Biên bản này đã thể hiện có con đường đi trên đất của gia đình ông Q để vào đất của bà T nằm tiếp giáp phía sau đất của ông Q, nhưng xem xét nội dung Biên bản không thể hiện rõ nội dung này. Vì nếu xác định có con đường đi trên đất của gia đình ông Q để vào đất của bà T thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà T thì không lý gì UBND xã Đ lại đo đạc và để cho bà T đi tạm trên đất của gia đình ông C1, mà không đo đạc xác định con đường đi như lời khai của bà T.

[4] Từ nhận định trên, xét thấy kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T là không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận, như quan điểm của Kiểm sát viên là phù hợp.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ vào:* Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2024/DS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh.

*Áp dụng:* Khoản 9 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165 và khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166, khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai 2013; khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

*Tuyên xử:*

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T, về việc yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Duy Q trả lại cho bà Nguyễn

Thị Thanh T 200,3m<sup>2</sup> đất ở nông thôn và đất trồng cây hàng năm khác thuộc một phần diện tích của các thửa đất số 84, 85, 86 và 87, cùng tờ bản đồ số 4 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 181179 do UBND huyện TL cấp cho hộ ông Nguyễn Duy Q ngày 18/9/2000 (được giới hạn bởi các mốc tọa độ 5-6-7-8-13-14-20-5 theo Mảnh trích đo địa chính số 207-2022 do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai TL đo vẽ ngày 20/9/2022).

2. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 181179 do UBND huyện TL cấp cho hộ ông Nguyễn Duy Q ngày 18/9/2000 đối với phần diện tích đất bà Nguyễn Thị Thanh T yêu cầu ông Nguyễn Duy Q phải trả lại nêu trên.

### 3. Về án phí:

- Buộc bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0011294 ngày 27/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh; Bà Nguyễn Thị Thanh T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Thanh T 6.375.000 đồng (*Sáu triệu, ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0011296 ngày 01/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh.

- Buộc bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0005774 ngày 15/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh; Bà Nguyễn Thị Thanh T đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

4. Về chi phí tố tụng: Buộc bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu toàn bộ các khoản chi phí tố tụng với số tiền 11.064.000 đồng (*Mười một triệu, không trăm sáu mươi bốn nghìn đồng*), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng chi phí tố tụng 11.064.000 đồng (*Mười một triệu, không trăm sáu mươi bốn nghìn đồng*) bà Nguyễn Thị Thanh T đã nộp; Bà Nguyễn Thị Thanh T đã nộp đủ chi phí tố tụng.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (13/6/2024).

#### Nơi nhận:

- VKSND tỉnh B.Thuận;
- TAND huyện T.Linh;
- VKSND huyện T.Linh;
- Chi cục THADS huyện T.Linh;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, Tổ HCTP, TDS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Hồng Thái**